

Bản án số: 19/2019/HNGD-ST
Ngày 23-9-2019
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia và ông Nguyễn Văn Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày: 06/9/1986;

Nơi cư trú: TDP C, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh ngày: 23/9/1982;

Nơi cư trú : Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H và anh T đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh T kết hôn ngày 24/10/2007 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ, chồng chị sinh sống tại phường B, thị xã P. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng cuối năm 2009 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, về công việc và làm ăn kinh tế. Từ đó anh T thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con, ngoài ra anh T còn có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay (Chị và con vẫn ở tại nhà cũ phường B, thị xã P, còn anh T về nhà mẹ đẻ

tại Xóm L , xã , huyện P ở). Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ, chồng chị có 02 con chung là Ngô Hoàng T1 - Sinh ngày 06/8/2008 và Ngô Nhật M - Sinh ngày 17/12/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn T trình bày tại bản khai và tại phiên tòa như sau:

Anh T thừa nhận về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay như ý kiến trình bày trên của chị H là đúng. Về nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn theo anh là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nơi ăn ở, công việc làm ăn của hai vợ chồng, anh yêu cầu chị H về quê nhà anh sinh sống để cùng anh nuôi dưỡng mẹ anh nhưng chị H không nhất trí. Do bất đồng về quan điểm sống nêu trên nên vợ, chồng đang sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 đến nay. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh mong muốn chị H quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy, chăm sóc con, nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như ý kiến trình bày trên của chị H là đúng. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Minh và đồng ý giao cháu Tân cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nhất trí ý kiến trình bày trên của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho các đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, song các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách sống không hòa hợp, anh T sống thiếu trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân từ nhiều tháng nay. Anh T cũng thừa nhận vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách sống của anh và chị H không hòa hợp, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Tại phiên tòa, anh T vẫn xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn và mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi, dạy các con, nếu chị H vẫn giữ nguyên quan điểm thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H với anh T đã diễn ra trong một thời gian nhất định, không hòa hợp, hàn gắn được. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ xong anh cũng không có biện pháp nào thuyết phục chị H về đoàn tụ mà vợ, chồng hiện tại vẫn đang sống ly thân nhau. Như vậy, có căn cứ xác định đời sống chung giữa chị H và anh T đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trên thực tế cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp thực tế và đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Hoàng T1 và Ngô Nhật M. Nếu ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả cháu T1 và cháu M, còn anh T có nguyện vọng được nuôi cháu M. Xét trên thực tế, thấy chị H và anh T đều có điều kiện nuôi con chung như nhau, cháu T1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ, phía anh T cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi cháu M và đồng ý giao cháu T1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Ngô Hoàng T1, anh T trực tiếp nuôi cháu Ngô Nhật M là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh T đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung và cũng không có yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho các bên đương sự cho đến khi có yêu cầu khác.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[2.4]. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngô Hoàng T1, sinh ngày 06/8/2008; giao cho anh Ngô Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngô Nhật M, sinh ngày 17/12/2013 cho đến khi các con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi) và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên đương sự cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị H và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000805 ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị H đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H và anh T báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND TT B, thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

